

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 671/QĐ-ĐHGTVT, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình (Chuyên ngành)	Quản lý hàng hải (Marine Management)
Mã chuyên ngành	784010604
Tên ngành đào tạo	Khoa học hàng hải (Nautical Science)
Mã ngành đào tạo	7840106
Trình độ đào tạo	Đại học
Thời gian đào tạo	4 năm 131 TC
Tổng số tín chỉ	<i>(Không bao gồm: Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất)</i>

Chương trình đào tạo đại học Cử nhân Quản lý hàng hải được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực có chất lượng cao trong ngành hàng hải nói chung và lĩnh vực vận hành và quản lý hàng hải nói riêng. Chương trình này được thiết kế phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục đại học Việt Nam (*sửa đổi và bổ sung năm 2018*), được giảng dạy bởi các giảng viên viện Hàng hải và các khoa khác có liên quan của Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM, bằng ngôn ngữ tiếng Việt, trừ các môn Ngoại ngữ.

Chuyên ngành Quản lý hàng hải đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn, có khả năng xây dựng, triển khai và đánh giá các chính sách, chiến lược và quy trình quản lý có liên quan đến hoạt động hàng hải: Quản lý hành chính và khai thác cảng biển, An toàn và môi trường trong hoạt động hàng hải, Khai thác vận tải biển, Quản lý các phương tiện ngoài khơi phục vụ các dự án về thăm dò dầu khí và tài nguyên biển, Quản lý kho vận bến bãi, Đại lý và môi giới hàng hải, Bảo hiểm và giám định hàng hải, Hải quan và thanh tra hàng hải ...

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý hàng hải được xây dựng và triển khai nhằm đào tạo cử nhân ngành Khoa học hàng hải có phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững và thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật, yêu nghề và có đạo đức nghề nghiệp, có năng lực tổ chức, nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành quản lý hàng hải, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng trong hoạt động và quản lý hàng hải của xã hội.

- Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực hàng hải, quản trị, kinh tế và thương mại, kiến thức chuyên sâu chuyên ngành quản lý hàng hải, khả năng xây dựng mô hình và áp dụng các nguyên tắc của vận hành và quản lý hàng hải vào thực tiễn. Có khả năng tham mưu tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn của một cử nhân trong lĩnh vực quản lý hàng hải.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung

- Có hiểu biết về Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa

học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chương trình đào tạo.

- Có kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên và xã hội; Có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận khai thác các thông tin và kiến thức mới; Có khả năng sử dụng khoa học cơ bản vào nghiên cứu và phát triển học thuật.
- Có kiến thức và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.
- Có kiến thức cơ bản và chứng chỉ về Quốc phòng-An ninh, Thể thao; có tác phong quân sự, có tinh thần sẵn sàng phục vụ trong các lực lượng vũ trang để bảo vệ Tổ quốc.

1.2.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Trang bị kiến thức cơ sở ngành về hoạt động hàng hải, làm nền tảng triển khai các dự án, tạo tiền đề cho nghiên cứu các lĩnh vực chuyên ngành quản lý hàng hải và học tập nâng cao:
 - + Có kiến thức cơ bản về hoạt động hàng hải.
 - + Có kiến thức cơ bản về kết cấu, máy, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của tàu và quản lý hoạt động của tàu (trực tiếp trên tàu và từ trên bờ).
 - + Có kiến thức chung về tổ chức và điều khiển tàu và các hoạt động liên quan.
 - + Có kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống văn bản pháp quy.
- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo quản lý hàng hải:
 - + Có kiến thức về pháp luật và hệ thống văn bản pháp quy quốc tế và trong nước liên quan đến Hàng hải và môi trường biển.
 - + Có các kiến thức kinh tế - tài chính hàng hải, marketing đối với các dịch vụ hàng hải.
 - + Có các kiến thức về an toàn, an ninh, rủi ro và tai nạn trong hoạt động hàng hải.
 - + Có các kiến thức về nghiệp vụ đại lý và môi giới tàu.
- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp: bảo hiểm, thanh tra, điều tra tai nạn hàng hải
 - + Có khả năng thiết kế các hệ thống quản lý an toàn hàng hải
 - + Có khả năng phân tích, thiết kế, mô hình hóa, xây dựng, lập trình, vận hành các quy trình thu thập chứng cứ, điều tra tai nạn, giám định hàng hải, bảo hiểm
- Có kiến thức quản lý, điều hành:
 - + Đại lý và môi giới hàng hải
 - + Giám định hàng hải
 - + Marketing các dịch vụ hàng hải

1.2.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Có khả năng quản lý, tổ chức và giám sát hoạt động của tàu, bảo hiểm, thanh tra, an toàn, rủi ro.
- Có khả năng lập kế hoạch khai thác-thương vụ, marketing cho hoạt động hàng hải.
- Có khả năng phân tích được chiến lược kinh doanh cảng biển và các đội tàu.
- Có khả năng quản lý dự án, quản trị nhân sự, quản lý hoạt động hàng hải: quản lý hoạt động, thanh tra, bảo hiểm, an toàn, rủi ro.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Sử dụng tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu đọc, viết, nghe, nói thông thường; cụ thể có trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo); Tiếng Anh hàng hải cấp độ 2 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Có kiến thức cơ bản về phần cứng, hệ điều hành, mạng máy tính và internet; sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng; có khả năng cài đặt phần mềm, xử lý các sự cố thông thường, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành. Trình độ tin học đạt chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

1.2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt nội quy làm việc của cơ quan, đơn vị; Có tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội; Có tinh thần học hỏi, cầu tiến; Có lý tưởng, hoài bão tốt đẹp, không ngừng phấn đấu học tập hoàn thiện bản thân.

1.3. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí: Chuyên viên nghiệp vụ hàng hải của cơ quan nhà nước, Chuyên viên an toàn pháp chế các hãng tàu và một số cơ quan chuyên môn, Chuyên viên kinh doanh hàng hải, Chuyên viên quản lý tàu, Chuyên viên quản lý kỹ thuật vật tư, Đại lý viên, Giám định viên, Thanh tra viên hàng hải, Chuyên viên bảo hiểm hàng hải ...
- Nơi làm việc: các cơ quan nhà nước có hoạt động liên quan đến Quản lý hành chính và khai thác cảng biển, Quản lý an toàn và môi trường trong hoạt động hàng hải, Quản lý khai thác vận tải biển, Quản lý các phương tiện ngoài khơi phục vụ các dự án về thăm dò dầu khí và tài nguyên biển, Quản lý kho vận bến bãi, Kinh doanh bảo hiểm hàng hải, Đại lý và môi giới Hàng hải, Giám định hàng hải, Hải quan cảng biển, Thanh tra hàng hải...
- Chuyên ngành Quản lý hàng hải sẽ chuẩn bị cho sinh viên nền tảng vững chắc để có thể nâng các kiến thức ở các cấp học cao hơn về quản lý hàng hải, quản lý môi trường về luật liên quan. Sinh viên cũng sẽ được tạo cơ hội theo học các chương trình sau đại học (cao học, tiến sỹ và sau tiến sỹ) về chuyên ngành quản lý hàng hải, quản lý công, quy hoạch cộng đồng hàng hải và các lĩnh vực liên quan khác.

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam gồm:

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

- **An ninh quốc phòng:** Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, có tác phong quân sự, có tinh thần sẵn sàng phục vụ trong các lực lượng vũ trang để bảo vệ Tổ quốc.
- **Chính trị:** Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chương trình đào tạo.
- **Khoa học cơ bản:** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội; Có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận khai thác các thông tin và kiến thức mới; Có khả năng sử dụng KHCN vào nghiên cứu và phát triển học thuật.
- **Công nghệ thông tin:** Có kiến thức cơ bản về phần cứng, hệ điều hành, mạng máy tính và internet; sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng; có khả năng cài đặt phần mềm, xử lý các sự cố thông thường, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành. Trình độ tin học đạt chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.
- **Ngoại ngữ:** Sử dụng tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu đọc, viết, nghe, nói thông thường; cụ thể có trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo); Tiếng Anh hàng hải cấp độ 2 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương.

2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Hiểu những kiến thức cơ bản về hoạt động hàng hải.
- Hiểu những kiến thức cơ bản về kết cấu, máy, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của tàu và quản lý hoạt động của tàu (trực tiếp trên tàu và từ trên bờ).
- Hiểu những kiến thức chung về tổ chức, điều khiển tàu và các hoạt động liên quan.
- Hiểu một cách hệ thống các kiến thức cơ bản kinh tế và quản trị kinh doanh.
- Hiểu được những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống văn bản pháp quy.

2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích được những kiến thức về luật hàng hải, luật thương mại và môi trường biển của quốc tế và Việt Nam trong việc học, nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực quản lý hàng hải.
- Tổng hợp một cách có hệ thống các kiến thức kinh tế - tài chính hàng hải, marketing đối với các dịch vụ hàng hải.
- Phân tích được các rủi ro và tai nạn trong hoạt động hàng hải.
- Thực hiện một số lĩnh vực các kiến thức về nghiệp vụ đại lý và môi giới tàu.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Thiết lập được kế hoạch cụ thể trong việc khai thác-thương vụ, marketing cho hoạt động hàng hải; Xây dựng được chiến lược kinh doanh cảng biển và các đội tàu; Thiết lập được một kế hoạch cụ thể trong việc quản lý, tổ chức và giám sát hoạt động của tàu, bảo hiểm, thanh tra, an toàn, rủi ro.
- Hiểu và áp dụng phù hợp các kiến thức về quản lý dự án, quản trị nhân sự, quản lý hoạt động hàng hải: quản lý hoạt động, thanh tra, bảo hiểm, an toàn, rủi ro.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu qua sách vở, tài liệu, biết khai thác và sử dụng tốt các nguồn tài nguyên thông tin, nắm vững và vận dụng tốt các phương pháp nghiên cứu khoa học

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;
- Có tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc;
- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;
- Hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa (không gồm GDTC và GDQP-AN): 131 tín chỉ
 - Kiến thức giáo dục đại cương: 49 tín chỉ
 - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 82 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức điều kiện:
 - Giáo dục thể chất: 04 tín chỉ.
 - Giáo dục QP-AN: 165 tiết (tương đương 08 tín chỉ)

4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 607/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/11/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 591/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/08/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh..

Theo Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/04/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo Quy định về tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/05/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo Quy định về chuẩn chương trình, tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

6. Cách thức đánh giá:

Theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 607/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/11/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo quy định trong Đề cương chi tiết các học phần.

7. Nội dung chương trình:

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ (LT/TH/ Tự học)	Nội dung (tóm tắt)	Ghi chú
1	2	3	4	5
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1. Toán và khoa học tự nhiên:				
001201	Đại số	2 (1/1/0)	Cung cấp các kiến thức cơ bản về: ma trận; định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector; không gian Euclide; chéo hóa ma trận.	Bắt buộc
001202	Giải tích 1	3 (2/1/0)	Cung cấp các kiến thức cơ bản về giới hạn và sự liên tục của hàm một biến, phép tính vi phân hàm một biến (đạo hàm, vi phân, ứng dụng), phép tính tích phân hàm một biến (tích phân bất định, tích phân xác định, ứng dụng tích phân xác định, tích phân suy rộng), phép tính vi phân hàm nhiều biến (đạo hàm, vi phân hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến).	Bắt buộc
001203	Giải tích 2	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 001201 Môn học nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về: Tích phân bội; Tích phân đường; Tích phân mặt; Phương trình vi phân; Chuỗi.	Bắt buộc
001211	Toán kinh tế	2 (1/1/0)	Học phần học trước: 001212 Cung cấp các kiến thức cơ bản về bài toán quy hoạch tuyến tính; bài toán vận tải; bài toán vận tải có hạn chế khả năng thông qua; bài toán vận tải chứa tham số ở hàm mục tiêu; bài toán điều tau rỗng; bài toán phân phối; phương pháp sơ đồ mạng PERT.	Bắt buộc
001212	Xác suất thống kê	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 001201, 001202, 001203 Cung cấp các kiến thức cơ bản về: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng tham số, các bài toán kiểm định giả thiết thống kê; bài toán phân tích tương quan và phân tích hồi quy.	Bắt buộc
002001	Vật lý 1	3 (2/1/0)	Học phần này giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về động học, động lực học chất điểm; năng lượng hệ cơ học; các khái niệm cơ bản và bản chất vật lý của trường tĩnh điện.	Bắt buộc
1.2. Pháp luật và khoa học xã hội:				
005004	Pháp luật đại cương	2 (1,5/0,5/0)	Trình bày một số vấn đề cơ bản về nhà nước, Các vấn đề chung về Pháp luật, Pháp chế XHCN, Hệ thống Pháp luật Việt Nam. Giới thiệu các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật hành chính, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật kinh tế, Luật đất đai.	Bắt buộc
005105	Triết học Mác-Lê Nin	3 (3/0/0)	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005106	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005105 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc

005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005106 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005107 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005108	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005102 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
1.3. Ngoại ngữ, tin học, kỹ năng:				
006015	Tiếng Anh 5	4 (4/0/0)	Sau khi học xong sinh viên có thể: - Nắm vững các kiến thức ngữ pháp về thì, các hình thức câu khẳng định, phủ định, nghi vấn, cấu trúc câu sử dụng động từ khiếm khuyết,... - Mở rộng vốn từ vựng về tính từ, trạng từ, từ liên quan đến chủ đề du lịch, tiền tệ, công việc, sức khỏe, cuộc sống, giao tiếp,... - Phát âm chuẩn các âm tố, nhấn đúng trọng âm trong từ và trong câu, thể hiện ngữ điệu đúng mục đích giao tiếp. - Giao tiếp thành thạo trong các ngữ cảnh giao tiếp hằng ngày như chào hỏi, hỏi thông tin, yêu cầu, đề nghị, nêu quan điểm, đặt cuộc hẹn, đưa ra lời khuyên,... - Nghe hiểu được ý chính của một bài nghe với tốc độ vừa phải liên quan đến những vấn đề thường gặp như du lịch, công việc, cuộc sống, giao tiếp khi mua hàng, dự định tương lai,... - Đọc hiểu được bài đọc có từ vựng liên quan đến những vấn đề thường xảy ra trong cuộc sống và công việc. Hiểu được email, blog hay mẫu tin mô tả sự kiện, cảm xúc và mong muốn của người viết. - Viết thư nêu quan điểm cá nhân, mô tả sự kiện. Viết thiệp mời, thư xin việc và các bài viết sử dụng từ nối với những chủ đề thân thuộc hàng ngày.	Bắt buộc
006016	Tiếng Anh 6	4 (4/0/0)	Học phần học trước: 006015 Ôn luyện, củng cố, và mở rộng các kiến thức tiếng Anh (Từ vựng, Ngữ pháp, Thành ngữ/ đặc ngữ/ quán ngữ) mà Sinh viên đã học ở Tiếng Anh cơ bản 5. Việc dạy và học phần Tiếng Anh cơ bản 6 chú trọng phát triển kỹ năng Nghe – Nói, giao tiếp bằng tiếng Anh về các đề tài thông dụng trong cuộc sống hàng ngày; củng cố và nâng cao kỹ năng Đọc – Viết.	Bắt buộc
006101	Tiếng Anh hàng hải 1	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 006015 Kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, viết, bám sát nội dung chuyên môn về công việc thủy thủ, cấu trúc con tàu, hệ thống an toàn trên tàu..	Bắt buộc
006102	Tiếng Anh hàng hải 2	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 006101 Vốn từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp và hội thoại ở các tình huống khác nhau trên tàu biển: khi tàu ra vào cảng, khi hành trình trong hệ thống phân	Bắt buộc

			luồng, khi neo đậu, những nội dung liên quan đến công việc của một sỹ quan trực ca.	
006411	Tiếng Anh thương mại 1	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 006115, 006116 Kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, viết, bám sát nội dung chuyên môn về kinh tế, thương mại, thương vụ vận tải biển	Bắt buộc
006412	Tiếng Anh thương mại 2	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 006411 Kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, viết, bám sát nội dung chuyên môn về kinh tế, thương mại, thương vụ vận tải biển	Bắt buộc
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành				
013009	Thủy nghiệp-Th/hiệu hàng hải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 073132 Công tác thủy thủ: Dây và công tác là dây an toàn, kỹ thuật sơn và bảo dưỡng boong tàu, sử dụng các thiết bị trên boong: tời, neo, câu, đóng mở các loại nắp hầm hàng, xuồng, bè cứu sinh, cầu thang mạn Sử dụng thành thạo các loại cờ hàng hải, quốc kỳ để liên lạc hoặc sử dụng trong các ngày lễ. Biết và sử dụng các dụng cụ trên boong tàu hàng bách hóa, hàng rời, hàng container Đi ca buồng lái (có thể tại buồng mô phỏng) Hiểu các hệ thống an toàn trên tàu: hệ thống chữa cháy, hệ thống cứu sinh, trách nhiệm cá nhân	Bắt buộc
012003	Khí tượng – Hải dương	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 002001 Khí quyển. Các yếu tố khí tượng, các quá trình thời tiết. Công tác phục vụ thời tiết trên tàu biển Đại dương thế giới. Tính chất lý hoá của nước biển. Sóng biển. Hải lưu, băng biển.	Bắt buộc
014004	Ổn định tàu	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 073132 Khái niệm về ổ định tàu thủy ; Tính toán ổn định, sức bền thân tàu, thông tin ổn định cho thuyền trưởng. Quy định của các công ước quốc tế về ổn định tàu thủy	Bắt buộc
012017	Môi trường hàng hải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 012003 Khái niệm về môi trường biển. Các nguyên nhân ô nhiễm môi trường sông biển. Đánh giá tác động của hoạt động hàng hải, cảng biển đến môi trường. Các giải pháp, định hướng cơ bản để phát triển hàng hải bền vững, bảo vệ môi trường	Bắt buộc
015002	Khoa học quản lý trong ngành hàng hải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 015001 Các vấn đề về khoa học quản lý. Ứng dụng của khoa học quản lý trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh doanh và kỹ thuật hàng hải	Bắt buộc
015001	Quản lý dự án	3 (3/0/0)	Các khái niệm về quản lý dự án và các cấu trúc tổ chức để quản lý dự án. Vai trò, trách nhiệm và các kỹ năng, phẩm chất cần có của người quản lý dự án. Các phương pháp đánh giá, so sánh lựa chọn dự án. Các phương pháp hoạch định, lập tiến độ và điều chỉnh tiến độ của dự án.	Bắt buộc

			Các phương pháp kiểm soát dự án và các vấn đề ảnh hưởng đến sự thành công của dự án	
015020	Thực tập giữa khóa	4 (0/4/0)	<p>Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, vận hành và vai trò của doanh nghiệp/cơ quan trong lĩnh vực hàng hải .</p> <p>Rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc, kỹ năng giao tiếp và xử lý được các tình huống phát sinh trong hoạt động của đơn vị thực tập.</p> <p>Rèn luyện cách ứng xử chuyên nghiệp trong các mối quan hệ tại doanh nghiệp.</p>	Bắt buộc
022011	Máy tàu thủy	2 (1/1/0)	<p>Học phần học trước: 002001</p> <p>Các loại máy đốt trong, máy chính. Các loại máy bơm. Các loại máy phụ trên boong. Nguyên tắc vận hành buồng máy. Hệ thống chân vịt. Các hệ thống tự động điều khiển hệ động lực trên tàu.</p>	Bắt buộc
073132	Kết cấu, bảo dưỡng tàu	3 (2/1/0)	<p>Kết cấu vỏ tàu, khoang máy. Sự phân chia khoang tàu. Các trang thiết bị trên boong tàu.</p> <p>Kiểm tra giám sát thường xuyên tình trạng kỹ thuật của tàu. Công tác sửa chữa vỏ tàu và các thiết bị trên boong. Quản lý các hồ sơ kỹ thuật của tàu.</p>	Bắt buộc
414024	Quản trị nhân sự	3 (3/0/0)	<p>Học phần học trước: 015002</p> <p>Nghiệp vụ quản lý nhân sự và quản trị nhân sự</p>	Bắt buộc
2.2 Kiến thức ngành				
2.2.1. Kiến thức bắt buộc:				
011011	Thiết bị kỹ thuật hàng hải	4 (4/0/0)	<p>Học phần học trước: 002001</p> <p>Nguyên lý hoạt động, cấu tạo của các trang thiết bị điện , vô tuyến điện hàng hải; các sai số mắc phải khi sử dụng; quy trình chung trong khai thác sử dụng</p>	Bắt buộc
011014	Hệ thống quản lý giao thông hàng hải	3 (2/1/0)	<p>Học phần học trước: 011011</p> <p>Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các hệ thống thông tin liên lạc hàng hải. Các quy trình khai thác sử dụng máy trong các tình huống liên lạc cấp cứu, an toàn và liên lạc thông thường trong hàng hải.</p>	Bắt buộc
013014	Quản lý an toàn tàu biển	3 (2/1/0)	<p>Học phần học trước: 013009</p> <p>Kiến thức về hệ thống quản lý an toàn, hệ thống và quy trình kiểm tra, có thể độc lập nghiên cứu và biết vận dụng các kiến thức thu được vào việc quản lý kỹ thuật và con người trong hoạt động khai thác tàu.</p>	Bắt buộc
014001	Luật hàng hải	3 (2/1/0)	<p>Học phần học trước: 005004</p> <p>Nội dung cơ bản của Luật biển: Chế độ pháp lý các vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, biên quốc tế, các eo biển và kênh đào quốc tế. Chế độ pháp lý cảng biển. Những nội dung cơ bản của Bộ luật Hàng hải Việt Nam</p> <p>Một số nội dung cơ bản của SOLAS 74; MARPOL 73/78; STCW 78/2010, ISM code, MLC 2006</p>	Bắt buộc

014018	Quản lý vận chuyển hàng hóa đường biển	3 (2/1/0)	Học phần học trước: 014004 Kiến thức cơ bản về tính chất hàng hóa, cách sắp xếp, bảo quản, chằng buộc hàng hóa, cách sử dụng các tài liệu liên quan đến an toàn hàng hóa như: IMDG code, Sổ tay chằng buộc hàng hóa ...	Bắt buộc
014006	Bảo hiểm hàng hải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 014001 Bảo hiểm hàng hải: Bảo hiểm thân tàu; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu; Bảo hiểm hàng hóa.	Bắt buộc
014010	Khai thác - Thương vụ	2 (2/0/0)	Học phần song hành: 005004 Khái niệm cơ bản về nghiệp vụ vận tải, chi phí khai thác và giá thành Vận tải biển. Những đặc trưng khai thác kỹ thuật của tàu Vận tải biển, các hình thức tổ chức khai thác tàu, các chứng từ liên quan đến hàng hoá vận chuyển bằng đường biển, các loại và nội dung các loại hợp đồng liên quan đến Vận tải biển, giới hạn một số công việc liên quan đến tàu và hàng,....	Bắt buộc
015003	Kinh tế và tài chính hàng hải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 014010 Nghiệp vụ kinh tế, tài chính trong quản lý cho hoạt động của các tàu và các hoạt động hàng hải liên quan	Bắt buộc
015004	Nghiệp vụ thanh tra hàng hải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 014001, 014010 Nghiệp vụ thanh tra cơ bản. Các văn bản pháp quy trong và ngoài nước liên quan đến thanh tra và thanh tra hàng hải. Quy trình và nghiệp vụ điều tra tai nạn hàng hải	Bắt buộc
2.2.2. Kiến thức tự chọn: (chọn 1 trong 2 học phần)				
015005	Marketing trong các dịch vụ hàng hải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 014001 Các kiến thức căn bản về marketing. Hoạt động và quản trị marketing trong hàng hải	Tự chọn
015006	Xây dựng chiến lược kinh doanh cảng biển và đội tàu	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 014001 Kiến thức chung về cảng biển. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh cảng biển. Xây dựng, quản lý và khai thác đội tàu	Tự chọn
015007	An ninh, điều tra tai nạn và quản lý khủng hoảng trong hàng hải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 014001 Nghiệp vụ điều tra, đánh giá an ninh, tai nạn hàng hải và nghiệp vụ quản lý khủng hoảng và sự cố trong hàng hải	Tự chọn
015008	Quản lý rủi ro hàng hải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 013009 Nghiệp vụ đánh giá, quản lý các rủi ro trong hàng hải. Ảnh hưởng của các sự cố đến cảng, tàu và hàng hóa	Tự chọn
015009	Nghiệp vụ đại lý hàng hải và môi giới tàu	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 014006, 014010 Các kiến thức về đại lý hàng hải và môi giới tàu, thực tế ứng dụng trong vận tải biển và khai thác tàu biển; Và vấn đề thực tiễn và pháp lý liên quan	Tự chọn
015011	Nghiệp vụ thu thập chứng cứ hàng hải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 014001, 014006 Phương pháp thu thập các dữ liệu, thông tin thực tế và cần thiết để giải quyết những tai nạn, sự cố, khiếu nại và tranh chấp phát sinh trong hoạt động khai thác tàu và cách thức giải trình về sự hợp lý, thỏa đáng của các bằng chứng có liên quan.	Tự chọn

011015	Công nghệ dẫn đường hàng hải	2 (1.5/0.5/0)	Học phần học trước: 011011, 012013 Nguyên lý hoạt động, cấu tạo của các trang thiết bị liên quan đến công tác định vị và ghi nhận các thông tin hàng hải; quy trình chung trong khai thác sử dụng	Tự chọn
014014	Nghiệp vụ giám định hàng hải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 073132, 014001, 014004 Các kiến thức liên quan đến điều tra, đánh giá tàu và các tổn thất, hư hỏng trong hàng hải	Tự chọn
012018	Công nghệ và vận hành CT ngoài khơi	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 014004, 012013 Đặc điểm, cấu tạo, phân loại các công trình ngoài khơi như giàn khoan, trạm chứa dầu...; tổ chức quản lý, khai thác tàu thủy và công trình ngoài khơi ...	Tự chọn
015010	Nghiệp vụ quản lý của Thuyền trưởng	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 014004. Giới thiệu kiến thức về các công ước quốc tế nhằm đảm bảo an toàn hàng hải và bảo vệ môi trường biển. Cung cấp hiểu biết về hợp đồng lao động, bảo hiểm, hệ thống quản lý an toàn, nguyên lý và ứng dụng các điều ước của Việt Nam và quốc tế, ứng dụng của luật thương mại trong khai thác tàu.	Tự chọn
2.2.3. Khóa luận tốt nghiệp				
015021	Thực tập tốt nghiệp	5 (0/0/5)	Học phần học trước: Tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn phải tích lũy (trừ LVTN) - Làm quen tàu theo nội dung của Sổ tay huấn luyện - Thực hành, trợ giúp công việc của một sỹ quan trực ca, tìm hiểu và trợ giúp vận hành các hệ thống an toàn, các thiết bị hàng hải, công tác chuẩn bị chuyến đi, công tác dẫn tàu. Tìm hiểu về các quy định, công ước liên quan đến hoạt động của tàu. - Sử dụng các thiết bị định vị để xác định vị trí tàu, xác định sai số la bàn bằng phương pháp thiên văn - Thực hành, trợ giúp việc thông tin liên lạc - Tìm hiểu hệ thống quản lý an ninh của Công ty và của tàu - Tìm hiểu, trợ giúp sỹ quan trong công tác chuẩn bị hầm hàng, dẫn tàu, chất xếp, bảo quản hàng hóa.	Bắt buộc
015022	Luận văn tốt nghiệp	5 (0/0/5)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Nội dung Theo Quyết định giao đề tài. Sinh viên được giao đề tài tốt nghiệp với nội dung và mục tiêu cụ thể nhằm giải quyết khá trọn vẹn một vấn đề của khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành được đào tạo. Sử dụng các kiến thức được trang bị để giải quyết các nội dung của đề tài tốt nghiệp theo mục tiêu đề ra.	Bắt buộc

SV không làm luận văn tốt nghiệp học thay thế các học phần sau				
015023	Quản lý cảng biển	2 (1/1/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Kiến thức liên quan đến: văn bản quy phạm pháp luật về quản lý cảng biển và luồng hàng hải; xây dựng thực hiện kế hoạch phát triển cảng biển và luồng hàng hải; quản lý nhà nước đối với hoạt động hàng hải; cứu hộ hàng hải, trục vớt tài sản chìm đắm; xử lý tai nạn hàng hải, phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải...	Bắt buộc
015024	Hợp đồng trong quản lý hàng hải	3 (2/1/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Các kiến thức căn bản liên quan đến hợp đồng. Cách xem xét các yếu tố liên quan đến việc lập, đánh giá, theo dõi và kết thúc hợp đồng trong quản lý hàng hải.	Bắt buộc
2. Kiến thức điều kiện				
2.1. Giáo dục Quốc phòng – An ninh				
007101	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	30 tiết	Theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.	Bắt buộc
007102	Công tác quốc phòng và an ninh	30 tiết		Bắt buộc
007103	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	85 tiết		Bắt buộc
007104	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	20 tiết		Bắt buộc
2.2. Giáo dục thể chất (học theo quy định của nhà trường)				
004101	Lý thuyết GDTC	1	Theo Quy định về chuẩn chương trình, tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số số 490/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.	Bắt buộc
004105	Điền kinh	1		Bắt buộc
004103	Bơi 1 (50m)	1		Tự chọn
004104	Bơi 2 (200m)	1		Tự chọn
004106	Bóng chuyền	1		Tự chọn
004107	Bóng đá	1		Tự chọn
004108	Bóng rổ	1		Tự chọn
004109	Bóng bàn	1		Tự chọn
004110	Cờ vua	1		Tự chọn

8. Hướng dẫn thực hiện:

8.1 Kế hoạch đào tạo (dự kiến)

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1								15
1	001201	Đại số	2	x				
2	001202	Giải tích 1	3	x				
3	006015	Tiếng Anh 5	4	x				

4	002001	Vật lý 1	3	x				
5	073132	Kết cấu, bảo dưỡng tàu	3	x				
Học kỳ 2								16
6	005105	Triết học Mác - Lênin	3	x				
7	005004	Pháp luật đại cương	2	x				
8	001203	Giải tích 2	3	x		001201		
9	006016	Tiếng Anh 6	4	x		006015		
10	022011	Máy tàu thủy	2	x		002001		
11	014010	Khai thác - Thương vụ	2	x	song hành 005004			
Học kỳ 3								18
12	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		005105		
13	001212	Xác suất thống kê	3	x		001201 001202 001203		
14	011011	Thiết bị kỹ thuật hàng hải	4	x		002001		
15	015001	Quản lý dự án	3	x				
16	006101	Tiếng Anh hàng hải 1	3	x		006015		
17	013009	Thủy nghiệp-Th/hiệu hàng hải	3	x		073132		
Học kỳ 4								19
18	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		005106		
19	012013	Hải đồ và thủy triều	4	x				
20	006102	Tiếng Anh hàng hải 2	3	x		006101		
21	014004	Ổn định tàu	3	x		073132		
22	014001	Luật hàng hải	3	x		005004		
<i>Thực tập giữa khóa (thực hiện trong hè)</i>								
23	015020	Thực tập giữa khóa	4	x				
Học kỳ 5								15
24	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		005107		
25	006411	Tiếng Anh thương mại 1	3	x		006015 006016		
26	001211	Toán kinh tế	2	x		001212		
27	014006	Bảo hiểm hàng hải	2	x		014001		
28	015002	Khoa học quản lý trong ngành HH	3	x		015001		
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau</i>								
29	015005	Marketing trong các dịch vụ HH	3			x	014001	
30	015006	XD chiến lược KD cảng biển và đội tàu	3			x	014001	
Học kỳ 6								16
31	005108	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	x		005102		

32	006412	Tiếng Anh thương mại 2	3	x		006411			
33	013014	Quản lý an toàn tàu biển	3	x		013009			
34	013003	Khí tượng hải dương	3	x		002001			
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
35	015007	An ninh, điều tra tai nạn và quản lý khủng hoảng trong HH	3		x	014001			
36	015008	Quản lý rủi ro hàng hải	3		x	013009			
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
37	015009	Nghiệp vụ đại lý HH và môi giới tàu	2		x	014010 014006			
38	011015	Công nghệ dẫn đường hàng hải	2		x	011011 012013			
Học kỳ 7								16	
39	012017	Môi trường hàng hải	2	x		012003			
40	011014	Hệ thống quản lý giao thông HH	3	x		011011			
41	014018	Quản lý vận chuyển h/hóa đường biển	3	x		014004			
42	015003	Kinh tế và tài chính hàng hải	3	x		014010			
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
43	014014	Nghiệp vụ giám định hàng hải	2		x	073132 014001 014004			
44	012018	Công nghệ và vận hành CT ngoài khơi	2		x	014004			
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau</i>									
45	015011	Nghiệp vụ thu thập chứng cứ hàng hải	3		x	014001 014006			
46	015010	Nghiệp vụ quản lý của Thuyền trưởng	3		x	014004			
Học kỳ 8								16	
47	015004	Nghiệp vụ thanh tra hàng hải	3	x		014001 014010			
48	414024	Quản trị nhân sự	3	x		015002			
49	015021	Thực tập tốt nghiệp	5	x		Tất cả			
50	015022	Luận văn tốt nghiệp	5	x			Tất cả		
<i>SV không làm luận văn tốt nghiệp học thay thế các học phần sau</i>									
51	015023	Quản lý cảng biển	2	x			Tất cả		
52	015024	Hợp đồng trong quản lý hàng hải	3	x			Tất cả		
Khối lượng kiến thức điều kiện									
I	Giáo dục quốc phòng - An ninh (Sinh viên học theo kế hoạch của nhà trường)							165	tiết
1	007101	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	30	x					

2	007102	Công tác quốc phòng và an ninh	30 tiết	x				
3	007103	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	85 tiết	x				
4	007104	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	20 tiết	x				
II	Giáo dục thể chất (Sinh viên chủ động đăng ký học theo quy định về học GDTC)							4TC
1	004101	Lý thuyết GDTC	1	x				
2	004105	Điền kinh	1	x				
<i>Sinh viên chọn 2 trong số các học phần sau</i>								
3	004103	Bơi 1 (50m)	1		x			
4	004104	Bơi 2 (200m)	1		x			
5	004106	Bóng chuyền	1		x			
6	004107	Bóng đá	1		x			
7	004108	Bóng rổ	1		x			
8	004109	Bóng bàn	1		x			
9	004110	Cờ vua	1		x			

- Sinh viên nên đăng ký học theo đúng học kỳ.
- Trường hợp học vượt sinh viên chỉ nên đăng ký những học phần mới sau khi đã tích lũy được các học phần được bố trí trước nó trong kế hoạch đào tạo.

8.2 Các học phần thay thế khi khóa trước phải học lại:

Học phần cũ khóa 2017, 2018			Học phần mới từ khóa 2019			Ghi chú
Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
005001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	005105	Triết học Mác - Lênin	3	Thay thế
			005106	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Thay thế
			005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Thay thế
005002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Thay thế
005003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	005108	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Thay thế
006011	Tiếng Anh 3	4	006015	Tiếng Anh 5	4	Thay thế
006012	Tiếng Anh 4	4	006016	Tiếng Anh 6	4	Thay thế
015022	Luận văn tốt nghiệp	5	015023	Quản lý cảng biển	2	Thay thế
			015024	Hợp đồng trong quản lý hàng hải	3	Thay thế

VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÀNG HẢI
(Đã ký)

PGS. TS. VÕ CÔNG PHƯƠNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG